

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST

Ngày 27-03-2020

V/v ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Minh Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

Bà Đỗ Thị Thanh Tú

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Xuân A, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số 306 B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Chị Lê Nam E, sinh năm 1982; nơi cư trú: Canada; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 22/5/2019 và các văn bản khác, nguyên đơn là anh Đỗ Xuân A trình bày:*

Anh A và chị Lê Nam E kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 15/9/2005. Sau khi kết hôn, chị E quay trở lại Canada sinh sống. Do phải sống xa nhau và có nhiều bất đồng về tính cách, lối sống không phù hợp nên chị E không còn liên lạc, không còn về Việt Nam. Nhận thấy cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, không còn tình cảm nên anh A đã cố gắng liên lạc qua điện thoại và nhờ người tìm chị E để giải quyết việc ly hôn nhưng không có kết quả. Nay anh A có yêu cầu được ly hôn với chị E.

Về quan hệ con chung và tài sản chung: Anh A trình bày quá trình chung sống không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, lời trình bày tại bản tự khai và đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Lê Nam E; không yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung.

Tại phiên tòa, chị Lê Nam E vắng mặt do việc ủy thác tư pháp không có kết quả.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Mâu thuẫn giữa anh Đỗ Xuân A và chị Lê Nam E đã sâu sắc. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A, xử cho anh A được ly hôn với chị E; anh A không yêu cầu về con chung và tài sản chung nên không đặt vấn đề giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Chị Lê Nam E vắng mặt tại phiên tòa. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Canada để tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án, thông báo việc Tòa án đang giải quyết yêu cầu xin ly hôn giữa chị anh A và chị E; đồng thời đề nghị chị E cho biết quan điểm về yêu cầu xin ly hôn của anh A. Ngày 08/8/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 173/CH-BTP của Bộ Tư pháp Việt Nam về việc đã chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp cho Bộ Tổng Chương lý Tòa án Bang Ontario, Canada để thực hiện việc ủy thác và gửi lại kết quả cho Bộ Tư pháp Việt Nam. Ngày 18/11/2019, Tòa án tiếp tục nhận được văn bản số 3704/BTP-PLQT của Bộ Tư pháp Việt Nam cho biết, Cơ quan có thẩm quyền của Canada không thực hiện được ủy thác tư pháp do địa chỉ không chính xác. Sau khi nhận được văn bản này, ngày 20/11/2019, Tòa án đã có văn bản gửi Đại sứ quán Việt Nam tại Canada và Ban biên tập Cổng thông

tin điện tử Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đề nghị đăng tải thông báo của Tòa án cho chị Lê Nam E biết về thời gian mở phiên họp hòa giải, thời gian mở phiên tòa xét xử. Đến nay, đã hết thời hạn một tháng kể từ ngày đăng thông báo nhưng chị Lê Nam E không có mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Lê Nam E theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu của đương sự:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Xuân A và chị Lê Nam E kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 15/9/2005 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh A và chị E ngay từ thời gian đầu đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do hai bên phải sống xa nhau; do tính cách, lối sống không phù hợp. Nhiều năm nay hai bên đã sống ly thân, không còn liên lạc, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh A nhận thấy không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh A được ly hôn với chị E. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của anh A phù hợp với tình trạng gia đình, mối quan hệ giữa hai bên, phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Anh A xác nhận không có, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

[5] Anh Đỗ Xuân A phải chịu án phí ly hôn và chi phí tố tụng ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định pháp luật - Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Xuân A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Xuân A được ly hôn với chị Lê Nam E.

2. Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Anh Đỗ Xuân A xác nhận không có, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

- Anh Đỗ Xuân A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 1870 ngày 13/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Anh Đỗ Xuân A phải chịu tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 200.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 9165 ngày 13/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng và 100 đô la Canada (tương đương số tiền 1.765.759 đồng theo Hóa đơn ngày 13/6/2019).

Anh Đỗ Xuân A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, anh Đỗ Xuân A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn một tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, chị Lê Nam Ecó quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Nơi nhận:***

- Đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Minh Phương**